

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết luận cuộc họp thống nhất chuẩn đầu ra ngoại ngữ và dạy tiếng Anh tăng cường theo Biên bản số 4061/BB-ĐHQN ngày 02 tháng 12 năm 2014;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

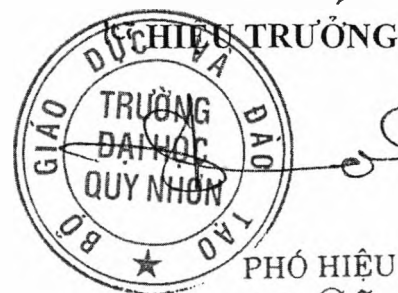
Điều 1. Ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với sinh viên khóa tuyển sinh năm 2014 và 2015.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng khoa, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Đào tạo, Công tác sinh viên, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên thuộc đối tượng như Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó hiệu trưởng;
- Website Trường ĐHQN;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

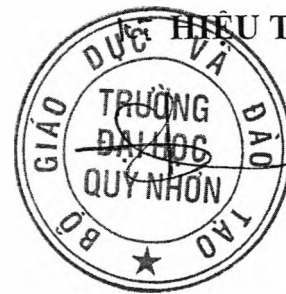
Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42.20/QĐ-ĐHQN ngày 23 tháng 12 năm 2014 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Sinh viên các ngành đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy các khóa tuyển sinh năm 2014 và năm 2015 (khóa 37, 38) phải đạt trình độ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương (xem phụ lục) theo quy định để được xét công nhận tốt nghiệp. Cụ thể như sau:

Khoa	Ngành	Trình độ	CĐR ngoại ngữ tiếng Anh (CEFR)	CĐR ngoại ngữ 2 Nga, Pháp, Trung (CEFR)
CNTT	Công nghệ thông tin	ĐH	B1	
	Sư phạm Tin học	ĐH	B1	
	Công nghệ thông tin	CĐ	A2	
KT&CN	Kỹ thuật điện tử, truyền Thông	ĐH	B1	
		CĐ	A2	
	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	ĐH	B1	
	Kỹ thuật điện, điện tử	ĐH	B1	
CĐ		A2		
GDTH&MN	Giáo dục Mầm non	ĐH	A2	
	Giáo dục tiểu học	ĐH	A2	
Kinh tế và Kế toán	Kế toán	ĐH	B1	
		CĐ	A2	
	Kinh tế	ĐH	B1	
TL-GD&CTXH	Tâm lý học giáo dục	ĐH	A2	
	Công tác xã hội	ĐH	A2	
	Quản lý giáo dục	ĐH	A2	
Toán	Sư phạm Toán	ĐH	A2	
	Toán học	ĐH	A2	
Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ văn	ĐH	A2	
	Văn học	ĐH	A2	
	Việt nam học	ĐH	A2	
Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH	C1	A2
	Sư phạm tiếng Anh	ĐH	C1	A2
Địa lý - Địa chính	Sư phạm Địa lí	ĐH	A2	
		ĐH	A2	
	Quản lí đất đai	CĐ	A2	
		ĐH	A2	

Hóa	Sư phạm Hóa học	ĐH	A2	
	Công nghệ Kỹ thuật hóa học	ĐH	A2	
		CĐ	A2	
	Hóa học	ĐH	A2	
Vật lý	Sư phạm Vật lý	ĐH	A2	
	Vật lý học	ĐH	A2	
Sinh - KTNN	Sư Phạm Sinh học	ĐH	A2	
	Sinh học	ĐH	A2	
	Nông học	ĐH	A2	
Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	ĐH	A2	
	Lịch sử	ĐH	A2	
TC-NH&QTKD	Quản trị Kinh doanh	ĐH	B1	
		CĐ	A2	
	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	B1	
		CĐ	A2	
GDCT&QLNN	Quản lý nhà nước	ĐH	A2	
	Giáo dục Chính trị	ĐH	A2	
GDTC-QP	Giáo dục Thể chất	ĐH	A2	



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Đỗ Ngọc Mỹ*

**Quy định chứng chỉ tiếng Anh A2, B1 và C1
tương đương với các chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế (còn hạn)**

Đối tượng	Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho VN	Chứng chỉ Quốc tế tương đương (còn hạn)	Ghi chú
Sinh viên ngành SP Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh	-Chứng chỉ tiếng Anh C1 (bậc 5/6)	TOEFL iBT 85 điểm IELTS 6.5 điểm CAE	
	- Ngoại ngữ 2: Chứng chỉ tiếng Nga, Pháp, hoặc Trung A2 (2/6)	DELTA A2, TCF 300, SHK cấp độ 2	
Sinh viên các chuyên ngành khác	-Chứng chỉ tiếng Anh A2 (bậc 2/6)	TOEFL iBT 35 điểm TOEFL Paper 400 điểm IELTS 3.5 điểm TOEIC 400 KET	
	-Chứng chỉ tiếng Anh B1 (bậc 3/6)	TOEFL iBT 45 điểm TOEFL Paper 450 điểm IELTS 4.5 điểm TOEIC 450 điểm PET	